

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí;

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Phó Chủ tịch

Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2167/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị Kim S, sinh năm 1983

Thường trú: 328/6/1, Khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: Tổ E, ấp X, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1975

Địa chỉ: 3, Khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà S, ông T - có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn là bà Hồ Thị Kim S trình bày:

Bà và ông Nguyễn Sỹ T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 21/3/2006 và đã được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi

vả, to tiếng với nhau. Vợ chồng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, đã nhiều lần bà S quyết định ly hôn nhưng người thân hai bên gia đình khuyên ngăn nên hôn nhân giữa bà với ông T mới tồn tại đến bây giờ. Tuy nhiên, đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân.

Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Cao T1, sinh ngày 11/3/2007 và Nguyễn Cao Kim T2, sinh ngày 26/8/2010. Hiện nay, cháu T1 đang ở với ông T, cháu T2 đang ở với bà S. Ly hôn, bà S có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Cao Kim T2, giao cháu Nguyễn Cao T1 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Sỹ T trình bày:

Ông và bà Hồ Thị Kim S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai ngày 21/3/2006 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2022, ông T và bà S chuyển về nhà bố mẹ ruột của bà S chung sống tại địa chỉ tổ E, ấp X, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khoảng 05 tháng. Sau đó, vì bà S đối xử không tôn trọng, hay trách móc ông T và do bố ruột ông T bị bệnh nên ông T về chăm sóc và ở cùng với bố mẹ ông T tại thành phố B đến nay. Sau thời điểm bố ruột ông T chết ngày 30/3/2023 thì ông T không biết có mâu thuẫn gì, bà S vô cớ chặn hết số điện thoại với anh, em gia đình.

Bà S làm đơn yêu cầu xin ly hôn, ông T không đồng ý vì cho rằng ông bà ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Cao T1, sinh ngày 11/3/2007 và Nguyễn Cao Kim T2, sinh ngày 26/8/2010. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S thì ông đồng ý với bà S sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Cao T1, giao cháu Nguyễn Cao Kim T2 cho bà S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên ông T xin được vắng mặt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà S được ly hôn với ông T; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Cao Kim T2, sinh ngày 26/8/2010 cho bà S, giao cháu Nguyễn Cao T1, sinh ngày 11/3/2007 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết; Về án phí: bà S phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn ông Nguyễn Sỹ T cư trú tại: 328/6/1, Khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[1.2]. Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập các đương sự để tham gia phiên tòa, bà S, ông T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân:

Bà Hồ Thị Kim S và ông Nguyễn Sỹ T kết hôn vào ngày 21/3/2006, có đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2006 ngày 21/3/2006. Căn cứ vào Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000, hôn nhân giữa bà S, ông T là hôn nhân hợp pháp.

Bà S, ông T đều thừa nhận quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân. Bà S cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Vợ chồng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, đã nhiều lần bà S quyết định ly hôn nhưng người thân hai bên gia đình khuyên ngăn nên hôn nhân giữa bà với ông T mới tồn tại đến bây giờ. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, nên bà S xin được ly hôn với ông T. Ông T cho rằng quá trình chung sống bà S đối xử không tôn trọng, hay trách móc ông T. Tuy nhiên, ông T không đồng ý ly hôn với bà S vì cho rằng nếu ông bà ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các con.

Theo kết quả xác minh ngày 07/3/2024, địa phương không biết được mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S, ông T. Tuy nhiên, Tòa án triệu tập để hòa giải đoàn tụ nhưng bà S đề nghị không tiến hành hòa giải, ông T xin vắng mặt.

Vì vậy, có cơ sở chứng minh bà S đã cương quyết ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không muốn níu kéo tình cảm, hàn gắn gia đình. Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S và ông T là có thật. Hôn nhân giữa bà S và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho bà S được ly hôn ông T.

[2.2]. Về con chung:

Bà S và ông T xác định: Có 02 con chung tên Nguyễn Cao Kim T2, sinh ngày 26/8/2010 và Nguyễn Cao T1, sinh ngày 11/3/2007. Hiện nay cháu T2 đang ở với bà S, cháu T1 đang ở với ông T. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S thì bà S, ông T1 cũng thống nhất bà S trực tiếp nuôi cháu T2, ông T trực tiếp nuôi cháu T1, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay cháu T2 được bà S, cháu T1 được ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Đồng thời, con chung đã trên 07 tuổi, cháu T2 có nguyện vọng được ở với bà S, cháu T1 có nguyện vọng ở với ông T.

Do đó, để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Cao Kim T2, sinh ngày 26/8/2010 cho bà S, giao cháu Nguyễn Cao T1, sinh ngày 11/3/2007 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà S, ông T xác định không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Bà S, ông T xác định không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị Kim S.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Hồ Thị Kim S được ly hôn với ông Nguyễn Sỹ T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Cao Kim T2, sinh ngày 26/8/2010 cho bà S, giao cháu Nguyễn Cao T1, sinh ngày 11/3/2007 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hồ Thị Kim S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008920 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Đương sự đã nộp xong án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Huy Công